TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HS-ST
Ngày 30 tháng 7 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thanh Hương

Ông Phan Duy Lục

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thanh Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2021/TLST - HS ngày 06 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXXST - HS ngày 19 tháng 7 năm 2021 đối với:

Các bị cáo:

1. Khổng Văn B, sinh ngày 26 tháng 6 năm 1990 tại: Xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khổng Văn C, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; Vợ: Hoàng Thị T, sinh năm 2001; Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Vĩnh Tường từ ngày 10/5/2021 đến nay (có mặt).

2. Hoàng Văn D, sinh ngày 08 tháng 06 năm 1985 tại: Xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T, sinh năm 1949 và bà Trần

Thị G, sinh năm 1950; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1984 (đã ly hôn); Con: có 01 con sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại bản án số 140/2012/HSST ngày 16/8/2012 của TAND huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt 27 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Ngày 18/03/2014 D đã chấp hành xong hình phạt tù và án phí, đã được xóa án tích.

Tại bản án số 59/2017/HSST ngày 23/11/2017 của TAND huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 08 tháng tù về tội "Đánh bạc". Ngày 13/4/2018, D đã chấp hành xong hình phạt tù và án phí, đã được xóa án tích

Bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc từ ngày 10/5/2021 đến nay (có mặt).

Những người bị hại:

Người bị hại: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1940; Địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 2001; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; (Có mặt)

Anh Đỗ Văn M, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; (Vắng mặt)

Người làm chứng: Anh Nguyễn Nhân Q, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; (Có mặt)

Anh Lại Văn T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 02/4/2021, anh Nguyễn Nhân Q sinh năm 1983 trú tại xã L, huyện V gọi điện thoại cho Khổng Văn B, sinh năm 1990 (là người cùng quê xã L với anh Q nhưng hiện trú tại xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc) để thuê B đi làm tháo dỡ cốp pha cho nhà anh Bùi Văn S, sinh năm 1988 ở khu 7, xã Đ, huyện V thì B đồng ý. Lúc này B đang đi cùng với Hoàng Văn D sinh năm 1985, trú tại xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc nên B đã rủ D đi cùng với mình đến nhà anh Q để làm thuê thì D đồng ý. Sau đó, B và D đi xe taxi đến nhà anh Q rồi được anh Q trả tiền taxi và chở đến nhà anh Sỹ và giao khoán việc

tháo dỡ toàn bộ phần cốp pha móng nhà. Đến khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, B và D làm được khoảng 1/2 công việc anh Q giao nhưng do muộn nên hai người nghỉ trưa và ngồi uống nước tại cổng nhà ông Nguyễn Văn K sinh năm 1940 (là hàng xóm nhà anh S). Lúc này, D rủ B đi ăn cơm trưa nhưng B không đồng ý và rủ D đi hát karaoke thì D đồng ý nhưng cả D và B đều không có tiền. Đúng lúc này, B quan sát xung quanh và phát hiện thấy tại sân nhà ông K có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Cub 82, màu sơn xanh gắn biển K soát 29F7- 2145, B nảy sinh ý định lừa chiếc xe mô tô của ông K đem đi cầm cắm lấy tiền đi hát. B bàn bạc với D lừa mượn chiếc xe mô tô trên của ông K để đem đi cầm cắm lấy tiền đi hát, D đồng ý. B vào nhà ông K nói: "Ông ơi, cho chúng cháu mượn chiếc xe mô tô của ông để chúng cháu đi mua cơm ăn", ông K hỏi lại B: "Các cháu làm thuê cho ai?", B trả lời ông K: "Chúng cháu làm thuê cho anh Q". Do biết anh Q là người đứng ra nhận tháo dỡ cốp pha cho gia đình anh S nên ông K tin lời B và đồng ý cho B mượn chiếc xe mô tô BKS 29F7-2145 của mình. Ông K đưa cho B chìa khóa xe và dặn: "Cháu đi nhanh về trả xe cho ông để 14 giờ ông đi có việc", B đồng ý rồi dùng chiếc chìa khóa xe do ông K đưa cho cắm vào ổ khóa xe, đạp nổ máy xe và chở D ngồi ở phía sau đi ra khỏi nhà ông K. Khi đi đến cánh đồng thuộc tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện V do sợ bị phát hiện, B và D bàn bạc dừng xe, hỏi mượn cờ lê của 01 người nam giới không quen biết đang làm đồng gần đó rồi tháo bỏ chiếc biển kiểm soát của xe mô tô mượn của ông K vứt xuống mương nước bên cạnh. B trả lại chiếc cờ lê cho người nam giới nêu trên rồi tiếp tục điều khiển xe chở D đến quán hát karaoke của anh Lại Văn T, sinh năm 1994 ở thôn C, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang hát. B và D hát đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày thì nghỉ. Anh T yêu cầu D, B thanh toán tiền hát hết 3.500.000 đồng. Do không có tiền nhưng đã bàn bạc, thống nhất về việc cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29F7-2145 để trả tiền hát nên khi B, D đang ngồi uống nước cùng anh Đỗ Văn M sinh năm 1987, trú tại thôn C, xã N, huyện S tại sân quán hát thì B đã hỏi và đem chiếc xe mô tô mượn được của ông K trước đó làm tin để vay 3.500.000đ của anh M, anh M đồng ý (B nói xe là của B, anh M không biết chiếc xe là do B lừa đảo chiếm đoạt được). Sau khi được anh M cho vay tiền, B dùng toàn bộ số tiền trên để trả tiền hát cho anh T rồi D thuê 01 chiếc xe taxi chở D, B về nhà D ở xã Bồ Lý, huyện T. Tại đây, D lấy tiền cất ở nhà trả cho người lái xe taxi số tiền 150.000 đồng rồi D vào nhà ngủ còn B đi bộ về nhà tại xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Sau khi cho B và D mượn chiếc xe mô tô trên và dặn đi nhanh về trả xe để 14 giờ ông K đi có việc nhưng đến gần 14 giờ cùng ngày ông K thấy anh Q đến nhà anh Sỹ làm nhưng chưa thấy B, D quay lại trả lại xe cho ông nên ông K đã nói chuyện với anh Q về sự việc nêu trên. Sau đó, anh Q và ông K gọi điện thoại vào số thuê bao 0339.604.201 của B nhiều lần nhưng B không nghe. Anh Q về nhà bố mẹ đẻ của B ở cùng xã L, huyện V để tìm B nhưng không thấy cho đến khoảng 20 giờ ngày 02/4/2021 B mới nghe và trả lời anh Q là xe của ông K đã được B cắm lấy tiền để trả tiền hát trên Tuyên Quang, muốn chuộc lại thì phải đưa cho B 3.500.000 đồng. Ông K gọi điện thoại yêu cầu B trả xe thì B nghe máy rồi tắt luôn mà không trả lời ông K, đồng thời B và D không trả lại xe mô tô cho ông K nên ngày 03/4/2021 ông K đã trình báo sự việc trên đến cơ quan Công an đề nghị giải quyết.

Ngay sau khi nhận được tin báo về vụ việc trên, Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Tường đã tổ chức các hoạt động điều tra theo quy định. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ được chiếc xe mô tô mà B và D lừa mượn được của ông K rồi để lại làm tin cho anh M khi vay tiền trả tiền hát, 01 chiếc chìa khóa điện của xe và 01 giấy vay tiền đề ngày 02/4/2021 do anh M tự nguyện giao nộp.

Ngày 05/4/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Tường đã ra Yêu cầu định giá tài sản gửi Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Tường đề nghị định giá tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Cub 82, màu sơn xanh, số khung: 5615089; số máy: 2660901 (biển K soát 29F7- 2145) của ông K bị B và D lừa đảo chiếm đoạt. Ngày 09/4/2021, Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Tường đã có kết luận định giá tài sản số 16 xác định giá trị chiếc xe mô tô nêu trên là *9.000.000 đồng (Chín triệu đồng)*. Sau khi được cơ quan điều tra thông báo kết luận định giá tài sản trên, các bị cáo Khổng Văn B, Hoàng Văn D và bị hại là ông Nguyễn Văn K đều đồng ý, không có thắc mắc gì.

Ngày 04/4/2021, Cơ quan điều tra đã đưa B, D đi chỉ hiện trường để xác định vị trí các đối tượng tháo và vứt chiếc biển K soát xe mô tô nêu trên. Kết quả: B và D đã xác định đúng vị trí tháo đồng thời tìm lại được chiếc biển K soát xe mô tô 29F7- 2145 tại mương nước và Cơ quan điều tra đã thu giữ theo quy định.

Ngày 13/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Vĩnh Tường đã tiến hành cho ông K nhận dạng đối với B và D, kết quả ông K khẳng định

Khổng Văn B và Hoàng Văn D chính là 02 đối tượng đã mượn xe mô tô của ông rồi không trả vào ngày 02/4/2021

Tại phiên tòa, các bị cáo Khổng Văn B và Hoàng Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại bản Cáo trạng số: 59/CT-VKSVT ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo Khổng Văn B và Hoàng Văn D về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường trình bày lời luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như nội dung bản cáo trạng nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Khổng Văn B, Hoàng Văn D phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Khổng Văn B từ 09 tháng đến 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 10/5/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn D từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 10/5/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo vì lý do các bị cáo đều là lao động tự do, không có công việc làm và thu nhập ổn định.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn K đã được trả lại chiếc xe mô tô, chìa khóa xe và biển kiểm soát do B và D lừa đảo chiếm đoạt vào ngày 02/4/2021. Sau khi nhận lại tài sản, ông K không yêu cầu B, D phải bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xác nhận các bị cáo B và D không phải bồi thường gì cho ông K.

Xác nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Thị T và anh Đỗ Văn M không yêu cầu các bị cáo phải thanh toán trả tiền.

Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Tường, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Khổng Văn B và Hoàng Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, bị cáo đã khai nhận như sau: Khoảng 12 giờ trưa ngày 02/4/2021, khi ngồi tại cổng nhà ông Nguyễn Văn K ở khu 7, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, vì muốn có tiền đi hát karaoke nên B và D đã cùng nhau lừa mượn và chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Cub 82, dung tích 70cm^3, màu sơn: Xanh; Số khung: 5615089; Số máy: 2660901 gắn BKS: 29F7- 2145 của ông K để lấy tiền đi hát. Sau khi lừa mượn được xe của ông K, B và D tháo bỏ biển kiểm soát xe vứt xuống mương nước để tránh bị phát hiện sau đó đi đến quán hát karaoke của anh Lại Văn T ở thôn C, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang để hát. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì B, D nghỉ hát và phải thanh toán tiền hát là 3.500.000đ nên B và D đã vay số tiền 3.500.000 đồng của anh Đỗ Văn M, trú tại xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang lấy tiền trả tiền hát và để lại chiếc xe mô tô chiếm đoạt được của ông K cho anh M làm tin. Sau khi cho B mượn xe, ông K gọi điện nhiều lần yêu cầu B trả xe nhưng B không nghe máy, không đem xe trả lại cho ông K như đã hẹn. Chiếc xe B, D lừa đảo chiếm đoạt của ông K nêu trên có giá trị 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Xét lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại; kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản và vật chứng vụ án thu giữ được cùng các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Các bị cáo Khổng Văn B và Hoàng Văn D đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định: "*1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm"*.

[3]. Xét tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Đối chiếu với yêu cầu phòng chống tội phạm ở địa phương cần xử phạt nghiêm các bị cáo tương xứng với hành vi phạm tội của mà các bị cáo đã gây ra, có như vậy mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe những người khác góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4]. Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm, trong đó: Bị cáo Khổng Văn B là người chủ mưu, khởi xướng và rủ rê Hoàng Văn D đồng thời trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông K nên B có vai trò chính trong vụ án. Hoàng Văn D bàn bạc, đồng ý với B về việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông K, đồng thời là người cùng B thực hiện việc tháo, vứt bỏ biển kiểm soát xe và sử dụng chiếc xe lừa mượn của ông K để làm tin vay tiền trả tiền hát nên D có vai trò đồng phạm với B

Bị cáo Khổng Văn B lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo B thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo có vợ là chị Hoàng Thị T đã đưa cho B số tiền 3.200.000 đồng để B trả lại tiền đã vay cho anh M nên bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả sảy ra, do vậy bị cáo Khổng Văn B được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiện hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

Bị cáo Hoàng Văn D được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo D luôn khai báo thành khẩn, tuy vậy bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 16/8/2012 TAND huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt 27 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; Ngày 23/11/2017 TAND huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 08 tháng tù về tội "Đánh bạc". Tuy bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Điều đó cho thấy thái độ coi

thường pháp luật của bị cáo nên cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo D. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường về hình phạt đối với các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy tuy bị cáo D người thực hành với vai trò đồng phạm nhưng do bị cáo có nhân thân xấu, bản thân bị cáo B tuy có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng lại là người khởi xướng, chủ mưu và thực hành tích cực từ đầu đến cuối nên cần xử phạt bị cáo D và bị cáo B một mức án tù bằng nhau, có như vậy mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, biết chấp hành pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản, thu nhập vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn K đã được Cơ quan điều tra trả lại toàn bộ các tài sản đã bị B và D lừa đảo chiếm đoạt vào ngày 02/4/2021. Sau khi nhận lại tài sản, ông K không yêu cầu B, D phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 3.500.000 đồng mà Khổng Văn B vay của anh Đỗ Văn M để trả tiền hát karaoke cho anh Lại Văn T. Ngày 04/4/2021, B đã được chị Hoàng Thị T (vợ của B) đưa cho số tiền 3.200.000 đồng để B trả lại tiền đã vay cho anh M. Dù còn thiếu 300.000đ nhưng B không có khả năng để trả nên anh M đã nhận số tiền 3.200.000 đồng mà B trả và không yêu cầu B phải bồi thường gì thêm; chị T không yêu cầu B phải trả lại cho chị số tiền này đồng thời B cũng không yêu cầu D phải liên đới trả lại số tiền này cho B nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 150.000 đồng là tiền của D đã trả cho người lái xe taxi đưa B và D đi từ quán hát của anh Thắng ở xã N, huyện S về nhà ở của D ở xã B, huyện T; D không yêu cầu B phải trả số tiền này cho D nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Cub 82, dung tích 70cm^3, màu sơn: xanh cùng 01 chiếc chìa khóa xe và 01(một) chiếc BKS: 29F7-2145 đã bị tháo rời khỏi xe mà Cơ quan điều tra thu giữ được. Quá trình điều tra xác định những tài sản trên đều thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Văn K bị Khổng Văn B và Hoàng Văn D lừa đảo chiếm đoạt vào ngày

02/4/2021. Do vậy, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại các tài sản này cho ông Nguyễn Văn K theo quy định.

[8]. Những vấn đề khác:

Đối với anh Đỗ Văn M là người mà B đã vay số tiền 3.500.000 đồng và để lại chiếc xe mô tô do B và D chiếm đoạt được của ông K làm tin. Quá trình điều tra xác định anh M không biết chiếc xe trên là tài sản do B và D lừa đảo chiếm đoạt của ông K mà có. Anh M cũng không nhận cầm cố chiếc xe trên, việc B để lại xe làm tin là do B tự nguyện. Khi cho B vay số tiền trên thì anh M không tính lãi suất vay. Ngay khi được Cơ quan điều tra thông báo cho biết nguồn gốc chiếc xe mô tô nêu trên thì anh M đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra để phục vụ công tác điều tra. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh M là phù hợp.

Đối với người đàn ông cho B và D mượn 01 chiếc cờ lê để tháo bỏ biển số xe, đến nay tuy chưa xác M được người đàn ông này là ai, ở đâu nhưng trong quá trình điều tra B và D đều trình bày không biết người đàn ông này là ai, ở đâu và không nói cho người này biết mục đích mượn cờ lê để làm gì, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[9]. Về án phí: Các bị cáo Khổng Văn B và Hoàng Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Khổng Văn B và Hoàng Văn D phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Khổng Văn B 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 10/5/2021.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn D 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 10/5/2021.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Khổng Văn B và Hoàng Văn D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CA huyện Vĩnh Tường;
- THADS huyện Vĩnh Tường;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công án tỉnh Vĩnh Phúc;
- CQTHAHS Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở tư pháp;
- UBND xã T, huyện Lập Thạch;
- UBND xã B, huyện Tam Đảo
- Các bị cáo, người bị hại, người liên quan;
- Lưu VP + HS;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải